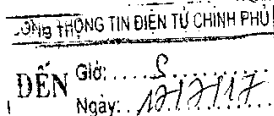


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2017/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 12 tháng 7 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá dịch vụ sử dụng phà do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền ở địa phương cấp phép đầu tư xây dựng, hoạt động và quản lý khai thác các bến phà và được thu giá dịch vụ sử dụng phà trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Người đi bộ, người điều khiển phương tiện giao thông thô sơ đường bộ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và các loại xe tương tự khi lưu thông qua phà, trừ các đối tượng được quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

Điều 3. Các đối tượng được miễn giá sử dụng dịch vụ phà

1. Xe cứu hỏa.

2. Xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về phòng chống lụt bão.

3. Xe cứu thương; các loại xe khác chở người bị nạn đến nơi cấp cứu.
4. Xe phục vụ quốc phòng, an ninh đang đi làm nhiệm vụ.
5. Xe và người của đoàn xe tang.
6. Đoàn xe có xe hộ tống, dẫn đường.
7. Xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa đến những nơi bị thảm họa, những vùng có dịch bệnh hoặc xe của tổ chức, cá nhân đi làm từ thiện.
8. Người và phương tiện đi lại của: Thương binh, bệnh binh phải có thẻ thương binh, bệnh binh hoặc giấy chứng nhận đối với thương binh, bệnh binh; người khuyết tật; trẻ em dưới 10 tuổi có giấy khai sinh; hộ gia đình có sổ hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của pháp luật; cán bộ xã, phường, thị trấn, cán bộ ấp, khóm đi làm nhiệm vụ; giáo viên đi dạy; học sinh đi học phải có thẻ học sinh hoặc giấy chứng nhận của nhà trường.

Điều 4. Quy định giá dịch vụ sử dụng phà

1. Các chủ bến phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Mức giá quy định tại khoản 3, Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, bảo hiểm phương tiện, bảo hiểm hành khách và hàng hóa khi qua phà. Đối với xe đạp, xe đạp điện, xe mô tô, xe gắn máy được chở 02 người trên xe; đối với xe ô tô chở khách mức giá đã bao gồm hành khách trên xe; đối với ô tô tải mức giá đã bao gồm hàng hóa trên xe.

3. Mức giá dịch vụ sử dụng qua phà

a) Khung giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước áp dụng cả ngày và đêm như sau:

TT	Người và phương tiện	Khung giá (đồng/lượt)	
		Giá tối thiểu	Giá tối đa
I	Đối với bến khách ngang sông có khoảng cách chiều dài giữa 02 đầu bến dưới 150 mét		
1	Người đi bộ	500	1.000
2	Người và xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
3	Người và xe mô tô, xe gắn máy	3.000	4.000
4	Xe ô tô từ 4 đến 7 chỗ ngồi	13.000	15.000
5	Xe ô tô trên 7 đến 16 chỗ ngồi	17.000	20.000

6	Xe ô tô trên 16 đến 30 chỗ ngồi	22.000	25.000
7	Xe ô tô từ trên 30 chỗ ngồi	26.000	30.000
8	Xe tải kể cả hàng hóa dưới 3,5 tấn	17.000	20.000
9	Xe tải kể cả hàng hóa từ 3,5 đến 5 tấn	22.000	25.000
10	Xe tải kể cả hàng hóa trên 5 tấn đến 10 tấn	26.000	30.000
11	Xe tải kể cả hàng hóa trên 10 tấn và các loại xe chuyên dùng khác	30.000	35.000
II	Đối với bến khách ngang sông có khoảng cách chiều dài giữa 02 đầu bến từ 150 mét đến dưới 300 mét		
1	Người đi bộ	500	1.000
2	Người và xe đạp, xe đạp điện	2.000	3.000
3	Người và xe mô tô, xe gắn máy	3.000	5.000
4	Xe ô tô từ 4 đến 7 chỗ ngồi	13.000	15.000
5	Xe ô tô trên 7 đến 16 chỗ ngồi	17.000	20.000
6	Xe ô tô trên 16 đến 30 chỗ ngồi	22.000	25.000
7	Xe ô tô từ trên 30 chỗ ngồi	26.000	30.000
8	Xe tải kể cả hàng hóa dưới 3,5 tấn	17.000	20.000
9	Xe tải kể cả hàng hóa từ 3,5 đến 5 tấn	22.000	25.000
10	Xe tải kể cả hàng hóa trên 5 tấn đến 10 tấn	26.000	30.000
11	Xe tải kể cả hàng hóa trên 10 tấn và các loại xe chuyên dùng khác	30.000	35.000
III	Đối với bến khách ngang sông có khoảng cách chiều dài giữa 02 đầu bến từ 300 mét trở lên		
1	Người	500	1.000
2	Người và xe đạp, xe đạp điện	3.000	4.000
3	Người và xe mô tô, xe gắn máy	4.000	5.000
4	Xe ô tô từ 4 chỗ đến 7 chỗ ngồi	15.000	20.000
5	Xe ô tô trên 7 chỗ đến 16 chỗ ngồi	21.000	25.000
6	Xe ô tô trên 16 chỗ đến 30 chỗ ngồi	26.000	30.000
7	Xe ô tô trên 30 chỗ ngồi	30.000	35.000
8	Xe tải kể cả hàng hóa dưới 3,5 tấn	20.000	25.000

9	Xe tải kể cả hàng hóa từ 3,5 tấn đến 5 tấn	26.000	30.000
10	Xe tải kể cả hàng hóa trên 5 tấn đến 10 tấn	30.000	35.000
11	Xe tải kể cả hàng hóa trên 10 tấn và các loại xe chuyên dùng khác	35.000	40.000

b) Giá tối đa dịch vụ sử dụng phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước áp dụng cả ngày và đêm như sau:

TT	Người và phương tiện	Giá tối đa (đồng/lượt)
I	Đối với bến khách ngang sông có khoảng cách chiều dài giữa 02 đầu bến dưới 150 mét	
1	Người đi bộ	1.000
2	Người và xe đạp, xe đạp điện	2.000
3	Người và xe mô tô, xe gắn máy	4.000
4	Xe ô tô từ 4 đến 7 chỗ ngồi	15.000
5	Xe ô tô trên 7 đến 16 chỗ ngồi	20.000
6	Xe ô tô trên 16 đến 30 chỗ ngồi	25.000
7	Xe ô tô trên 30 chỗ ngồi	30.000
8	Xe tải kể cả hàng hóa dưới 3,5 tấn	20.000
9	Xe tải kể cả hàng hóa từ 3,5 đến 5 tấn	25.000
10	Xe tải kể cả hàng hóa trên 5 tấn đến 10 tấn	30.000
11	Xe tải kể cả hàng hóa trên 10 tấn và các loại xe chuyên dùng khác	35.000
II	Đối với bến khách ngang sông có khoảng cách chiều dài giữa 02 đầu bến từ 150 mét đến dưới 300 mét	
1	Người đi bộ	1.000
2	Người và xe đạp, xe đạp điện	3.000
3	Người và xe mô tô, xe gắn máy	5.000
4	Xe ô tô từ 4 đến 7 chỗ ngồi	15.000
5	Xe ô tô trên 7 đến 16 chỗ ngồi	20.000
6	Xe ô tô trên 16 đến 30 chỗ ngồi	25.000

7	Xe ô tô trên 30 chỗ ngồi	30.000
8	Xe tải kể cả hàng hóa dưới 3,5 tấn	20.000
9	Xe tải kể cả hàng hóa từ 3,5 đến 5 tấn	25.000
10	Xe tải kể cả hàng hóa trên 5 tấn đến 10 tấn	30.000
11	Xe tải kể cả hàng hóa trên 10 tấn và các loại xe chuyên dùng khác	35.000
III	Đối với bến khách ngang sông có khoảng cách chiều dài giữa 02 đầu bến từ 300 mét trở lên	
1	Người	1.000
2	Người và xe đạp, xe đạp điện	4.000
3	Người và xe mô tô, xe gắn máy	6.000
4	Xe ô tô từ 4 chỗ đến 7 chỗ ngồi	20.000
5	Xe ô tô trên 7 chỗ đến 16 chỗ ngồi	25.000
6	Xe ô tô trên 16 chỗ đến 30 chỗ ngồi	30.000
7	Xe ô tô trên 30 chỗ ngồi	35.000
8	Xe tải kể cả hàng hóa dưới 3,5 tấn	25.000
9	Xe tải kể cả hàng hóa từ 3,5 tấn đến 5 tấn	30.000
10	Xe tải kể cả hàng hóa trên 5 tấn đến 10 tấn	35.000
11	Xe tải kể cả hàng hóa trên 10 tấn và các loại xe chuyên dùng khác	40.000

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; kiểm tra theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân được cấp phép đầu tư xây dựng, hoạt động và quản lý khai thác các bến phà trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên theo dõi sự biến động của giá cả thị trường để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh mức giá cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và theo quy định pháp luật.

2. Đối với các bến phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, chủ đầu tư căn cứ khung giá được quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 4 của Quyết định này quyết định mức giá cụ thể, trình Sở Tài chính xem xét, chấp thuận để triển khai thực hiện. Khi áp dụng mức giá cụ thể, chủ đầu tư phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi xây dựng bến phà để biết và theo dõi việc thực hiện.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/7/2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: QH-XD (Ng 03/7), TH (Ch);
- Lưu: VT, Tu9/7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi